TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15 /3/ 2018
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Vũ

2. Bà Huỳnh Xuân Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 463/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 về "*tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lâm Minh Th, sinh năm 1975, địa chỉ: số nhà 120/3, tổ 12, khóm C, phường B, thành phố D, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim U, sinh năm 1976, địa chỉ: tổ 22, khóm C, phường B, thành phố D, tỉnh An Giang.

Ông Th, bà U đều vắng mặt và đều có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lâm Minh Th trình bày: Năm 2007, ông và bà U tự tìm hiểu quen biết nhau và sống chung với nhau, không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không còn tình cảm với nhau nữa nên ông yêu cầu ly hôn bà U.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung tên Lâm Minh T, sinh ngày 07/5/2009. Hiện tại T đang sống chung với bà U. Ông giao con cho bà U nuôi dạy, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim U trình bày*: Bà thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân như ông Th trình bày.

Về con chung, thống nhất theo ý kiến ông Th, vợ chồng có 01 con chung hiện do bà nuôi dạy bà yêu cầu nuôi con chung. Đồng ý ông Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản và nợ chung: Thống nhất với ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về con chung.

- Tại phiên tòa: Ý kiến, yêu cầu của ông Th, bà U được công bố tại phiên tòa.

* Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét sử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: ông Th, bà U chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, áp dụng điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận ông Th, bà U là vợ chồng.

Về con chung: Xét sự thỏa thuận của các đương sự có căn cứ, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên đề nghị áp dụng điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Ông Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà U (cư trú phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc). Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã cung cấp lời khai và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Ông Th yêu cầu ly hôn bà U. Ông Th, bà U cùng thống nhất chung sống với nhau từ năm 2007 đến nay không đăng ký kết hôn. Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B thì không tìm thấy tên Lâm Minh Th và Nguyễn Thị Kim U trong sổ bộ lưu trữ. Xét thấy, ông Th, bà U đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Th và bà U theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Ông Th, bà U thống nhất bà U được quyền nuôi dạy Lâm Minh T, sinh ngày 07/5/2009. Ông Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 15/4/2018. Xét sự thỏa thuận giữa ông Th, bà U về người trực tiếp nuôi dạy con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu T và phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Vì vậy, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi dạy con chung.

Bà U cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản và nợ chung: Ông Th, bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Ông Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Th đã nộp, ông Th không phải nộp thêm án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Th phải chịu 150.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về hôn nhân: Không công nhận ông Lâm Minh Th và bà Nguyễn Thị Kim U là vợ chồng.

[2] Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của ông Lâm Minh Th và bà Nguyễn Thị Kim U. Bà U được quyền nuôi dạy Lâm Minh T, sinh ngày 07/5/2009. Ông Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 15/4/2018.

Bà U cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí:

Ông Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Th đã nộp theo biên lai số TU/2015/0015004 ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, ông Th không phải nộp thêm án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Th phải chịu 150.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Bà U không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Th, bà U có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lư Thị Châu Ngọc